



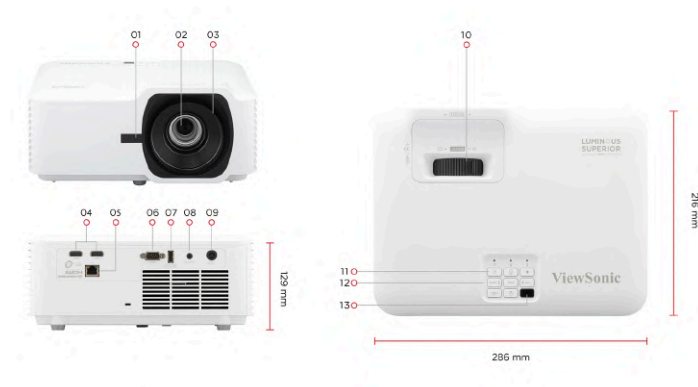
## Tính năng chính

- Công nghệ laser phosphor thế hệ thứ 3 với tuổi thọ lên đến 30.000 giờ
- 4.000 ANSI Lumens với độ phân giải 1080P, mang đến hình ảnh rõ nét trong mọi môi trường
- Độ tương phản cao với chip DMD 0,65" và công nghệ DLP
- Màn hình siêu lớn lên đến 300" với chi phí thấp hơn
- Linh hoạt trong lắp đặt: zoom quang học 1.3x, chỉnh lệch H/V và khả năng chiếu 360°



## Sản phẩm Mô tả

LS630HD thuộc dòng Luminous Superior Series của ViewSonic, một dòng máy chiếu không bóng đèn truyền thống được thiết kế dành cho môi trường Doanh nghiệp và Giáo dục. Máy mang đến khả năng trình chiếu cực lớn lên đến 300" với độ phân giải 1080P, tận dụng độ tương phản gốc cao từ chip DMD 0.65" với công nghệ DLP. Được trang bị công nghệ laser phosphor thế hệ thứ 3, LS630HD cung cấp độ sáng 4.000 ANSI Lumens và tuổi thọ ấn tượng lên đến 30.000 giờ. Thiết kế không đèn giúp tiết kiệm điện năng, thân thiện với môi trường và tối ưu chi phí. Với khả năng zoom quang học 1.3x, chỉnh vuông hình H/V và chiếu 360°, máy hỗ trợ lắp đặt linh hoạt. Quản lý tập trung trở nên đơn giản nhờ hệ thống điều khiển LAN toàn diện, khiến LS630HD trở thành lựa chọn lý tưởng cho phòng họp, giảng đường và không gian công cộng.



1. Front IR
2. Lens
3. Focus Ring
4. HDMI x 2
5. RJ45
6. RS232
7. USB-A (5V/1.5A, Service)

8. Audio Out
9. DC In
10. Zoom Ring
11. Power Button
12. Keypad
13. Top IR

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|   |   |
|---|---|
| Hệ thống chiếu:                               | 0.65" 1080P   |
| Độ phân giải gốc:                             | 1920x1080   |
| Độ sáng:                                      | 4000 (ANSI Lumens)  |
| Brightness (Center Lumens):                   | 4400  |
| Độ tương phản:                                | 3000000:1   |
| Display Color:                                | 1.07 Billion Colors   |
| Loại nguồn sáng:                              | Laser Phosphor  |
| Light Source Life (hours) with Normal Mode:   | 20000   |
| Light Source Life (hours) with SuperEco Mode: | 30000 (Eco)   |
| Ống kính:                                     | F=2.43-2.78, f=16.90-21.61mm                                    |
| Chênh lệch chiếu:                             | 132%+/-10%  |
| Tỷ lệ chiếu:                                  | 1.13-1.47   |
| Zoom quang học:                               | 1.3X  |
| Zoom kỹ thuật số:                             | 0.8x-2.0x   |
| Kích cỡ hình:                                 | 30"-300"  |
| Khoảng cách chiếu:                            | 0.75-9.76m (100"@2.50m)   |
| Keystone:                                     | H: +/-30° , V: +/-30°   |
| Tiếng ồn có thể nghe được (Normal):           | 32dB  |
| Audible Noise (Eco):                          | 27dB  |
| Độ trễ đầu vào:                               | 16ms  |
| Hỗ trợ độ phân giải:                          | VGA(640 x 480) to WUXGA RB(1920 x 1200)<br>*RB-Reduced Blanking |
| Tương thích HDTV:                             | 480i, 480p, 576i, 576p, 720p, 1080i, 1080p                      |
| Tần số ngang:                                 | 15K-102KHz  |
| Tốc độ quét dọc:                              | 24-120Hz  |

## ĐẦU VÀO

|       |                        |
|-------|------------------------|
| HDMI: | 2 (HDMI 1.4/ HDCP 1.4) |
|-------|------------------------|

## ĐẦU RA

|                     |             |
|---------------------|-------------|
| Audio-out (3.5mm):  | 1           |
| Loa:                | 15W         |
| USB Type A (Nguồn): | 1 (5V/1.5A) |

## ĐIỀU KHIỂN

|                         |                             |
|-------------------------|-----------------------------|
| RS232 (DB male 9 chân): | 1                           |
| RJ45 (LAN control):     | 1                           |
| USB Type A (Services):  | 1 (share with USB A Output) |

## KHÁC

|   |   |
|---|---|
| Điện áp cung cấp:                       | Power adaptor:<br>Input: 100~240V<br>Output: 19.5VDC / 9.23A  |
| Tiêu thụ năng lượng:                    | Normal: 175W<br>Standby: <0.5W  |
| Nhiệt độ hoạt động:                     | 0~40°C  |
| Carton:                                 | Brown   |
| Khối lượng tịnh:                        | 3.10kg  |
| Gross Weight:                           | 4.60kg  |
| Kích thước (WxDxH) với chân điều chỉnh: | 286x216x129mm   |
| Packing Dimensions:                     | 400x280x155mm   |
| Ngôn ngữ OSD:                           | English, French, Spanish, Thai, Korean, German, Italian, Russian, Swedish, Dutch, Polish, Czech, T-Chinese, S-Chinese, Japanese, Turkish, Portuguese, Finnish, Indonesian, Arabic, Vietnamese, Hungarian, Norsk, total 23 languages |
| User Guide Language:                    | English, S-Chinese, T-Chinese, Indonesian, Finnish, French, German, Italian, Japanese, Korean, Polish, Portuguese, Russian, Spanish, Swedish, Turkish, Arabic, Czech, Thai, Vietnamese, total 20 languages                          |

## STANDARD ACCESSORY

|                   |               |
|-------------------|---------------|
| Dây nguồn:        | 1             |
| Điều khiển từ xa: | 1             |
| QSG:              | Yes           |
| Warranty Card:    | Yes (CN Only) |

## PHỤ KIỆN TỰY CHỌN

|                     |             |
|---------------------|-------------|
| Wall/Ceiling Mount: | PJ-WMK-007  |
| Túi đựng:           | PJ-CASE-008 |